

Số: 1337/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 28 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Gò Công Đông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Gò Công Đông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển kinh tế - xã hội huyện Gò Công Đông phải được đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Vùng đồng bằng sông Cửu Long; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh.

2. Huy động mọi nguồn lực vào phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở phát huy tối đa nguồn nội lực, phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế. Phát triển huyện Gò Công Đông trở thành trung tâm du lịch của tỉnh Tiền Giang đi đôi với việc bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên. Tăng tính kết nối du lịch - dịch vụ của Gò Công Đông với thị xã Gò Công, thành phố Mỹ Tho, thành phố Hồ Chí Minh và các huyện, tỉnh ven biển thuộc Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

3. Tập trung khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển; duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định và bền vững.

4. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, tạo sự chuyển biến cơ bản về chất lượng nguồn nhân lực, coi trọng phát huy nhân tố con người, nâng cao năng lực giáo dục, đào tạo và trình độ dân trí cho dân cư, kết hợp với phát triển khoa học công nghệ... là một trong những yếu tố quyết định để thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

5. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường và củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng nền hành chính vững mạnh trên địa bàn huyện.

6. Tăng cường các mối quan hệ hợp tác đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội của huyện với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế nhanh, bền vững, tăng sức cạnh tranh cho các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ của địa phương. Đến năm 2020, là một trong những địa phương có tốc độ tăng trưởng cao của tỉnh, cơ cấu giá trị sản xuất của huyện là nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trên cơ sở huy động tối đa nội lực và huy động nguồn lực từ bên ngoài. Phát triển kinh tế biển, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa công nông nghiệp; đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh và quốc phòng luôn bảo đảm.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

- Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) giai đoạn 2016-2020, tăng khoảng 10,0 - 11,0%/năm; trong đó, nông nghiệp tăng khoảng 5 - 5,2%/năm; công nghiệp và xây dựng tăng 18 - 20%/năm, dịch vụ tăng 18,9 - 21,5%/năm.

- Cơ cấu giá trị sản xuất năm 2020: Nông, lâm, ngư nghiệp chiếm khoảng 50,3 - 52,6%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm khoảng 26 - 29,1% và Dịch vụ chiếm khoảng 20,6 - 21,4%.

- Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) năm 2020 đạt khoảng 57,2 - 59,5 triệu đồng.

- Đến năm 2020, thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 250 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 vào khoảng 10.500 - 11.300 tỷ đồng.

- Phần đầu tỷ lệ xã cơ bản đạt chuẩn quốc gia về xây dựng nông thôn mới là 54,5% vào năm 2020.

b) Về văn hóa xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số bình quân thời kỳ 2016 - 2020 đạt dưới 1,27%/năm, giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,016-0,02%. Phần đầu ổn định và từng bước giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành thị xuống còn dưới 4% vào năm 2020. Giải quyết việc làm cho 2.000 lao động/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo vào năm 2020 là 40%. Đến năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa đạt 21%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 4% vào năm 2020 (theo chuẩn hiện hành).

- Đến năm 2020, tỷ lệ huy động học sinh so với dân số trong độ tuổi: nhà trẻ là 15%, mẫu giáo 75%, tiểu học 100%, trung học cơ sở 90%, trung học phổ thông và tương đương đạt 75%; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: mầm non đạt 50%, tiểu học 70%, trung học cơ sở 50% và trung học phổ thông đạt 100%.

- Đến năm 2020, có 12 giường bệnh/vạn dân và 2,5-3,0 bác sĩ/vạn dân; 100% trạm y tế có bác sĩ, khuyến khích mở rộng mạng lưới khám và điều trị tư nhân; 100% xã, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế. Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi là 6‰; tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi là 8‰.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện 100% vào năm 2015 và tiếp tục nâng cao chất lượng những năm tiếp theo.

- Phần đầu đến năm 2020, đạt 95% gia đình văn hóa, 75% xã đạt danh hiệu và tiêu chuẩn xã văn hóa nông thôn mới.

c) Về bảo vệ môi trường

Đến năm 2020, có 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch, 90% dân số nông thôn sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung, 95% chất thải rắn được thu gom, xử lý; 80% cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường. Phòng chống hạn chế tối đa sự suy kiệt và ô nhiễm các nguồn tài nguyên, có các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

3. Phương hướng phát triển có tính đột phá

a) Đầu tư đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm. Trọng tâm được xác định là khu công nghiệp tập trung và hệ thống cụm cảng biển trên sông Soài Rạp. Trọng điểm là Vàm Láng - Gia Thuận, từ đó phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, chế biến thủy sản, cơ khí, hàng tiêu dùng và phát triển dịch vụ logistics.

b) Hoàn chỉnh xây dựng khu đô thị trung tâm tại thị trấn Tân Hòa, phát huy vai trò của các trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội, phát triển mạnh thương mại dịch vụ. Đầu tư nâng cấp các đô thị thị trấn Vàm Láng, Tân Tây và các trung tâm Gia Thuận, Tân Phước, theo hướng làm điểm tập kết và phân phối hàng hóa, sơ chế và phục vụ khu công nghiệp.

c) Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hình thành vành đai xanh nông nghiệp phục vụ dân cư khu đô thị và khu công nghiệp, kết hợp tạo sinh thái cảnh quan. Phát triển nhanh thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá. Khu vực nông thôn phát triển nông nghiệp sinh thái đa dạng trên nền cây lúa, rau màu thực phẩm, trái cây, chăn nuôi và các dịch vụ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, gắn liền với bảo quản, sơ chế nhỏ. Khu vực ven biển phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản, phát triển du lịch theo hướng nghỉ dưỡng cuối tuần.

d) Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ theo hướng hiện đại. Trước hết là: phối hợp với các sở, ngành tỉnh hoàn thành tuyến đường tỉnh 871B tạo động lực phát triển cho khu vực Vàm Láng, Gia Thuận; hoàn chỉnh mạng lưới đường bộ và mạng giao thông thủy, kết hợp với đê kênh thủy lợi, đầu tư nạo vét rạch Cần Lộ, hình thành bến cảng tàu cá có khả năng tránh bão cho khu vực. Kết hợp đầu tư chợ đầu mối và sàn giao dịch thủy sản. Phát triển các đường huyện và giao thông nông thôn, xây dựng cầu kiên cố, đạt giá trị vận tải hàng hóa; phát triển hệ thống cấp nước sạch; thông tin truyền thông; phát triển tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề, mạng lưới bảo quản - sơ chế cho nông nghiệp.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Nông - lâm - nghiệp

a) Nông nghiệp:

Phát triển nông nghiệp bền vững theo hướng chất lượng, hiệu quả và an toàn, gia tăng sức cạnh tranh, gắn với công nghiệp chế biến và đẩy mạnh thương mại hóa gắn kết thị trường tiêu thụ. Tập trung xây dựng các vùng chuyên sản xuất hàng hóa các cây trồng, vật nuôi có lợi thế cạnh tranh; huy động hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh triển khai ứng dụng khoa học công nghệ nhằm xây dựng tiêu chuẩn nuôi trồng và nâng cao hàm lượng công nghệ trong sản phẩm.

- Trồng trọt: Đến năm 2020 diện tích đất lúa canh tác còn khoảng 10.030 ha, sản lượng dự kiến đạt 192 nghìn tấn; phân bố chủ yếu tại các xã Bình Nghi, Bình Ân, Tăng Hòa, Phước Trung, Tân Đông, Tân Tây và một phần các xã Kiêng Phước, Tân Điền, Tân Thành. Cây rau đậu các loại, ổn định khoảng 8-9 nghìn ha, phát triển chủ yếu vẫn là vùng sản xuất chuyên theo hướng VietGAP. Đến năm 2020, diện tích cây ăn trái dự kiến đạt 1.200 ha, sản lượng 30.000 tấn/năm; trong đó diện tích cây sơ-ri khoảng 500 - 600 ha, sản lượng 12.000 tấn. Phần đầu giá trị sản xuất ngành thủy sản tăng bình quân 5 - 6%/năm, sản lượng thủy sản bình quân đạt khoảng 60.000 tấn/năm.

- Chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi heo, bò, dê, phục hồi đàn gia cầm dưới nhiều hình thức chăn nuôi; chú trọng phát triển các loại hình nuôi công nghiệp, bán công nghiệp kết hợp chặt chẽ với vệ sinh phòng dịch và cải thiện chất lượng sản phẩm, đưa chăn nuôi chiếm tỷ trọng cao hơn trong cơ cấu nông nghiệp.

- Lâm nghiệp: Phát triển lâm nghiệp bền vững nhằm phòng hộ môi trường vùng bãi triều ven biển kết hợp với lấn biển và bảo vệ đa dạng sinh học, góp phần ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng và đảm bảo an ninh môi trường. Xây dựng dự án kè mềm gây bồi trồng rừng với diện tích gây bồi khoảng 1.000 ha và trồng mới rừng phòng hộ ven biển với diện tích 207 ha.

- Thủy sản: Phát triển nuôi trồng và đánh bắt thủy sản theo hướng chất lượng, hiệu quả, phù hợp với các đặc điểm thủy vực, điều kiện chế biến, tiêu thụ và tích cực bảo vệ môi trường nuôi, môi trường sinh thái vùng bãi triều. Tập trung xây dựng các vùng nuôi nước mặn, lợ với tỷ lệ thâm canh thích hợp; gia tăng hiệu quả khai thác thủy hải sản theo hướng tăng tỷ trọng đánh bắt xa bờ và nâng cao chất lượng thủy hải sản đánh bắt kết hợp với bảo vệ an ninh quốc gia trên biển. Tích cực bảo vệ nguồn lợi thủy sản nội địa và ven bờ.

2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Phát huy lợi thế nguồn tài nguyên, có thể tận dụng các cơ hội từ bên ngoài để phát triển các ngành công nghiệp mới, không truyền thống. Lấy công nghiệp chế biến làm ngành chủ đạo, công nghiệp cơ khí, đóng và sửa chữa tàu, thuyền, sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông ngư nghiệp làm trọng tâm; sử dụng công nghệ thích hợp với trình độ lao động, và không gây ô nhiễm môi trường.

- Các ngành công nghiệp mũi nhọn của huyện là công nghiệp dịch vụ dầu khí, tiếp đến là dịch vụ hậu cần cảng, công nghiệp điện lực, may mặc, thủ công mỹ nghệ, nước; đóng các loại tàu và sửa chữa tàu đánh cá cho ngư dân; sản xuất hàng tư liệu phục vụ sản xuất nông ngư nghiệp và chế biến nông thủy sản sau

thu hoạch; sản xuất hàng tiêu dùng có lợi thế cạnh tranh, phục vụ một phần nhu cầu của huyện.

- Phát triển khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, quy mô 285 ha, nằm trên địa bàn các xã Gia Thuận, thị trấn Vàm Láng. Đây là địa điểm tập trung xây dựng các nhà máy chế tạo phục vụ cho ngành dầu khí. Ngoài ra, trên địa bàn huyện sẽ hình thành và phát triển hệ thống cụm cảng biển trên sông Vàm Cỏ - Soài Rạp: cảng xăng dầu; các bến tổng hợp, chuyên dùng, với diện tích khoảng 377 ha.

- Phân đầu giá trị sản xuất ngành công nghiệp trên địa bàn huyện tăng bình quân 18 - 20%/năm.

3. Thương mại - dịch vụ

- Tích cực mời gọi và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư triển khai dự án phát triển thương mại - dịch vụ như cảng biển Tân Phước, khu du lịch sinh thái Tân Thành, siêu thị phục vụ khu công nghiệp phía Bắc. Phát triển thương mại trong thời gian tới sẽ chú trọng vào xây mới các chợ ở những khu vực có nhu cầu phát triển chợ và nâng cấp mạng lưới chợ hiện tại, còn đối với loại hình thương mại hiện đại (trung tâm mua sắm, siêu thị) sẽ được phát triển ở các khu vực trung tâm huyện lỵ và khu vực công nghiệp phía Đông. Giai đoạn 2015 - 2020 nâng cấp, cải tạo, mở rộng 12 chợ với tổng vốn đầu tư khoảng 46 tỷ đồng, đầu tư nâng cấp chợ huyện tại thị trấn Tân Hòa và thu hút đầu tư xây mới các siêu thị hạng III tại các thị trấn và xã Tân Tây; thu hút hình thành một số khu thương mại - dịch vụ tổng hợp ở các khu trung tâm thị trấn Tân Hòa, Vàm Láng, khu vực biển Tân Thành.

- Ngành du lịch đặt trọng tâm vào hoạt động thu hút du khách nghỉ dưỡng cuối tuần, du lịch ven biển,... gắn với các tuyến du lịch của tỉnh, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam,... Thu hút đầu tư, phát triển hệ thống lưu trú và cơ sở phục vụ an uống, giải trí,... tại bãi biển Tân Thành, Đền Đò; phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, tăng cường đầu tư hạ tầng du lịch. Dự kiến lượt khách du lịch đạt khoảng 76 nghìn lượt vào năm 2020; đồng thời, tăng doanh số lưu trú và tăng dịch vụ du lịch lữ hành.

- Các ngành dịch vụ khác cần khuyến khích phát triển như dịch vụ vận tải, tài chính và ngân hàng, bưu chính - viễn thông,... góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế nhanh của Huyện, vừa là các ngành khai thác, sử dụng ít tài nguyên khoáng sản; vừa là các ngành ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học công nghệ, có giá trị gia tăng cao và phục vụ cho việc phát triển các ngành sản xuất.

4. Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, phát huy tính sáng tạo và tăng cường giáo dục hướng nghiệp trên cơ sở xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục vừa hồng vừa chuyên. Tiếp tục hoàn thành kiên cố hóa trường lớp, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đáp ứng nhu cầu học 2 buổi/ngày ở bậc tiểu học, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia,... Đến năm 2020, tỷ lệ học sinh huy động so với dân số trong độ tuổi ở các cấp học như sau: nhà trẻ 15%; mẫu giáo 75%, trong đó trẻ 5 tuổi đạt 100%; tiểu học 100%; trung học cơ sở 90%; trung học phổ thông và tương đương 75%.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, củng cố mạng lưới y tế, nâng cao năng lực khám và chữa bệnh. Tăng cường công tác kế hoạch hóa gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em, công tác quản lý vệ sinh thực phẩm, quản lý vệ sinh môi trường, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế. Bổ sung bác sỹ cho bệnh viện, phòng khám và các trạm y tế xã; tập trung bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức làm công tác y tế, thu hút nhân lực y tế từ bên ngoài về huyện làm việc. Đến năm 2020, 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế. Khuyến khích các tổ chức, tư nhân tham gia làm dịch vụ y tế, tham gia có bảo hiểm y tế, dưới sự quản lý của nhà nước. Thường xuyên giám sát dịch tễ, ngăn chặn và kịp thời dập tắt mầm bệnh.

- Đẩy mạnh công tác giảm nghèo theo hướng bền vững, triển khai nhiều giải pháp giảm nghèo hiệu quả như cho vay giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, đào tạo nghề, hướng nghiệp, khôi phục các làng nghề truyền thống; tạo việc làm bền vững; đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống các đối tượng chính sách thông qua các hoạt động đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa, nâng cao đời sống các đối tượng chính sách...

- Đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân địa phương, đồng thời tăng cường quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa thông tin và truyền thông; phấn đấu đến năm 2020 đạt 95% gia đình văn hóa, 75% xã đạt danh hiệu và tiêu chuẩn xã văn hóa nông thôn mới. Đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao trong các trường học, nhằm phát hiện tài năng cung cấp cho các trung tâm đào tạo chuyên nghiệp.

5. Khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

- Khoa học và công nghệ: Phấn đấu có đủ năng lực làm tư vấn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trên địa bàn đổi mới công nghệ, kỹ thuật; xây dựng và bảo vệ

thương hiệu trong lĩnh vực công nghiệp chế biến thủy sản và các loại hình công nghiệp phục vụ nghề cá; hỗ trợ xây dựng chính phủ điện tử, thương mại điện tử. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp về mặt khoa học công nghệ, xây dựng và bảo vệ thương hiệu cho việc hình thành vùng chuyên tôm, sò-ri, rau màu đạt chất lượng xác nhận.

- Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng là quan điểm chủ đạo trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác quản lý đất đai, khai thác và sử dụng tài nguyên, nhất là khai thác nước ngầm, khai thác cát lòng sông Cửa Tiểu và Soài Rạp, các bãi cát vùng ven sông, ven biển. Năm 2020, chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom/xử lý ít nhất là 90%/50%; lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại được thu gom/xử lý ít nhất là 90%/75%; lượng chất thải rắn y tế không nguy hại được thu gom/xử lý đạt 100%; lượng chất thải rắn được thu gom tại các điểm dân cư nông thôn/làng nghề ít nhất là 70%/80%.

6. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

a) Giao thông:

- Mạng lưới đường bộ: hoàn chỉnh tuyến và cải thiện điều kiện mặt đường các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đồng thời mở mới các tuyến quan trọng nhằm hình thành mạng giao thông bộ thông suốt trên địa bàn huyện. Phát triển đường giao thông nông thôn theo hướng mở rộng mặt đường và láng nhựa, bê tông hóa gắn với công tác xây dựng nông thôn mới. Ưu tiên phát triển các tuyến giao thông chính. Đầu tư xây dựng, nâng cấp 05 tuyến giao thông phân kỳ có chung điểm hội tụ tại thị xã Gò Công: (i) tuyến Đông Bắc (ĐT 871) gắn với ĐT 871B, tuyến phụ ĐT 873B, phát triển 2 tuyến tương đương đương tỉnh là QL 50 - Gia Thuận và quốc lộ 50 - Tân Phước với quy mô cấp IV đồng bằng, trong điều kiện công nghiệp phát triển mạnh sẽ nâng lên cấp III đồng bằng; (ii) tuyến phía Đông (ĐH 03); (iii) tuyến Đông Nam (ĐT 862); (iv) tuyến ven sông Vàm Cỏ - Soài Rạp; (v) tuyến ven sông Tiền, quy hoạch định hình cấp IV đồng bằng. Phát triển các tuyến giao thông Bắc Nam như: tuyến đê biển Đông (cấp IV); đường huyện 01 nối dài (cấp V) và đường huyện 02 - đường huyện 04 nối dài (cấp V). Bên cạnh đó đầu tư, nâng cấp 03 tuyến huyện (không nằm trong tuyến trục) tiêu chuẩn cấp V, và hoàn chỉnh trải nhựa 18,4 km đường liên xã, phát triển mới các tuyến đường đô thị theo tiến độ hình thành, phát triển các thị trấn (Tân Hòa, Vàm Láng, Tân Tây,...).

- Đường thủy: nạo vét các tuyến đường thủy hiện có và các công trình thủy lợi cấp vùng (tuyến ven sông Tiền, ven sông Vàm Cỏ - Soài Rạp, đê biển Tân

Thành), kết hợp đồng bộ với phát triển giao thông bộ. Nạo vét 6,2 km đường thủy do Trung ương quản lý và 19,3 km đường thủy do địa phương quản lý; nâng cấp bến phà Bến Chùa, 2 bến đò chính là Đền Đỏ, Gia Thuận và 2 bến nhỏ là Vàm Láng, Tân Phước.

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, đảm bảo kết nối, tạo thuận lợi phát triển dịch vụ logistics. Phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển bao gồm kết cấu cầu cảng và luồng hàng hải phù hợp quy hoạch phát triển cảng biển.

b) Thủy lợi: Hoàn chỉnh tuyến đê sông Tiền và sông Vàm Cỏ - Soài Rạp, nâng cấp lên thành đường giao thông; gia cố đê biển, xây dựng công trình chống xói lở tại các điểm xung yếu và chuẩn bị nâng cấp thành đường giao thông; gia cố đê Kênh 3 và rạch Cần Lộ nhằm chủ động ngăn mặn và phân cách 2 vùng nông nghiệp - thủy sản, nâng cấp thành đường giao thông nội đồng khu vực nuôi trồng thủy sản. Nạo vét các tuyến kênh tạo nguồn hệ thống ngọt hóa Gò Công, nâng cấp, sửa chữa các công trình đầu mối, nạo vét các trục tưới tiêu cấp II, III. Hoàn chỉnh hệ thống kênh nội đồng cho khu vực nông nghiệp và thủy sản.

c) Cấp điện: Nâng cấp các trạm và mạng lưới truyền tải điện; cải tạo hệ thống điện lưới không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Đến năm 2020, xây dựng thêm đường dây trung thế 252,5 km, lắp đặt mới đường dây hạ thế tăng lên 280 km; tổng dung lượng đạt 140.400 kVA, đáp ứng đủ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, cơ quan quản lý và tiêu dùng dân cư, và hoạt động khác.

d) Cấp thoát nước:

- Cấp nước: Phối hợp các sở, ngành tỉnh, cơ quan có liên quan sớm hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động dự án dẫn nước từ nhà máy nước BOO Đồng Tâm về huyện huyện Gò Công Đông phục vụ sản xuất, sinh hoạt. Đến năm 2020, 90% dân số nông thôn sử dụng nước từ hệ thống cung cấp nước tập trung, 100% số hộ đô thị được cung cấp nước sạch; đồng thời tiếp tục cung cấp bể chứa, lưu vai các loại cho các hộ nghèo, các hộ phân tán.

- Thoát nước: đến năm 2020, phân đấu các thị trấn và các thị tứ về cơ bản đều có hệ thống tách, thoát và xử lý nước thải. Tổng chiều dài đường cống cần xây dựng tại thị trấn Tân Hòa, thị trấn Vàm Láng và các trung tâm dân cư đến giai đoạn định hình năm 2020 là 33,3 km.

7. Về quốc phòng - an ninh và trật tự xã hội

Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị và an ninh quốc gia. Kết hợp chặt chẽ giữa việc xây dựng hệ thống

kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên khu vực biên giới biển với yêu cầu bảo đảm quốc phòng - an ninh. Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng, làm chuyển biến rõ nét nhận thức trách nhiệm của toàn Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Bộ đội Biên phòng tập trung xây dựng thế trận Biên phòng toàn dân trong thế trận Quốc phòng toàn dân và gắn với thế trận An ninh nhân dân trong khu vực phòng thủ vững chắc của huyện. Tiếp tục xây dựng lực lượng quân sự huyện theo hướng nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu theo hướng cách mạng chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân.

8. Phương hướng tổ chức không gian phát triển

a) Phân vùng phát triển:

- Vùng I (vùng kinh tế biển) gồm *Vùng Ia* (phía Bắc kênh Trần Văn Dĩnh), với các khu, cụm công nghiệp quan trọng phục vụ phát triển kinh tế biển như: khu công nghiệp Dịch vụ dầu khí Soài Rạp, hệ thống cụm cảng biển. Các hoạt động thương mại - dịch vụ tương đối phát triển tại các đô thị và cụm dân cư công nghiệp. Trung tâm chính của tiểu vùng là thị trấn Vàm Láng. *Vùng Ib* (phía Nam kênh Trần Văn Dĩnh), phát triển chủ lực là du lịch sinh thái biển kết hợp với làng cá. Trung tâm của vùng là Tân Thành và Đền Đỏ, về lâu dài có thể kết hợp thành 1 tuyến kinh tế - đô thị. Ngoài ra, cụm dân cư vệ tinh quan trọng là Vàm Kênh. Có thể xem vùng Ib là khu vực phát triển chủ yếu về thương mại - dịch vụ và nông nghiệp.

- Vùng II (vùng kinh tế nội đồng) gồm *Vùng IIa*, phát triển chủ yếu là nông nghiệp với cây trồng chủ yếu là lúa, lúa - màu. *Vùng IIb*, phát triển chủ yếu là nông nghiệp với cây trồng chủ yếu là lúa, đặc biệt là vùng chuyên canh sơ ri, rau đậu; thủy sản (nuôi trồng, bến neo đậu tàu đánh bắt) phát triển chủ yếu ngoài khu vực đê bao ngọt hóa. Hoạt động công nghiệp và thương mại - dịch vụ phát triển chủ yếu tại thị trấn Tân Hòa, vừa là trung tâm hành chính của huyện, vừa là trung tâm thương mại của vùng.

b) Định hướng phát triển đô thị:

Thị trấn Tân Hòa, mở rộng quy mô đất đô thị loại IV: trung tâm hành chính của huyện, là trung tâm kinh tế - xã hội của tiểu vùng IIb; thị trấn Tân Tây, đô thị đạt chuẩn loại V: trung tâm kinh tế - xã hội của tiểu vùng IIa; thị trấn Vàm Láng đạt đô thị loại IV: trung tâm kinh tế - xã hội của tiểu vùng Ia, kết hợp với 3 thị tứ vệ tinh là Gia Thuận, Tân Phước, Kiểng Phước hình thành cụm đô

thị lớn nhất huyện. Thị tứ Tân Thành - Đền Đò: trung tâm kinh tế - xã hội của tiểu vùng Ib.

c) Định hướng sử dụng đất:

Quy hoạch sử dụng đất đến 2020: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp 17.135 ha, chiếm 63,1% diện tích tự nhiên, trong đó đất trồng cây hàng năm 10.030 ha, chiếm 36,9%; đất phi nông nghiệp gia tăng trong quá trình hình thành các đô thị, khu cụm công nghiệp, trung tâm thương mại, dân cư; ưu tiên đất cho phát triển các thị trấn, tạo điều kiện để thu hút nhà đầu tư.

9. Phát triển kinh tế biển và ven biển

- Xây dựng một vùng kinh tế phát triển năng động, thu hút các nguồn đầu tư trong tỉnh, trong nước và nước ngoài; chuẩn bị tiền đề, điều kiện cho việc hình thành khu kinh tế ven biển Gò Công sau năm 2020.

- Phát triển các ngành kinh tế biển và ven biển, phát triển du lịch và phát triển thủy hải sản đảm bảo đạt yêu cầu, hiệu quả cao và bền vững; gắn với bảo vệ quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái và tái tạo nguồn lợi thủy sản.

- Chuẩn bị lập đề án xây dựng Khu kinh tế Gò Công, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét bổ sung vào quy hoạch phát triển Khu kinh tế ven biển cả nước.

10. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030

a) Định hướng tầm nhìn đến năm 2030:

Đến năm 2030, Gò Công Đông trở thành huyện phát triển theo hướng: "Xanh, sạch - Giàu bản sắc văn hóa - Chất lượng sống tốt". Kinh tế dựa trên những nền tảng phát triển bền vững, tập trung phát triển kinh tế xanh gắn với hiệu quả bảo vệ môi trường gồm các trụ cột cơ bản: nông nghiệp hàng hóa công nghệ cao, công nghiệp sạch; du lịch sinh thái - dịch vụ đầu mối của tuyến hành lang ven biển Đông - Tây theo Quốc lộ 50 từ thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Gò Công - Tân Thành rồi đến Mỹ Tho sang Bến Tre - Trà Vinh...; công nghiệp sạch thân thiện với môi trường. Thị trấn Tân Hòa thành đô thị trung tâm của vùng phía Đông đối trọng với thị xã Gò Công với một không gian Xanh - Hiện đại - Văn minh gần ven cửa Soài Rạp, các đô thị như Vàm Láng, Tân Tây trở thành đô thị vệ tinh, trung chuyển trên tuyến hành lang vận tải biển với khu vực cảng thành phố Hồ Chí Minh và quốc tế. Người dân Gò Công Đông văn minh, hiếu khách, thân thiện, có cuộc sống tốt (thu nhập khá cao, được hưởng các dịch vụ chất lượng cao, môi trường sống và làm việc tốt). An ninh chính trị, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) tăng bình quân trong giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 11 - 13%/năm và giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 12 - 13,5%/năm. Giá trị tăng thêm bình quân đầu người năm 2030 vào khoảng 212,1 - 256,8 triệu đồng.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 83.000 - 106.000 tỷ đồng.

- Cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch theo hướng hiện đại, tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp năm 2030 khoảng 62% tổng giá trị sản xuất.

- Đến năm 2030, quy mô dân số đạt khoảng 172.000 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 51%, tỷ lệ nghèo dưới 4%.

- Sức khỏe của nhân dân được nâng cao, thể trạng, tầm vóc được cải thiện; số bác sĩ/vạn dân, tỷ lệ số hộ có điện sử dụng, ít nhất bằng trung bình cả nước. Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi là 5‰; tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi là 7‰; có 20 giường bệnh/vạn dân và 4 bác sĩ/vạn dân.

- Phân đấu đến năm 2030 đạt 100% gia đình văn hóa, 100% xã đạt danh hiệu và tiêu chuẩn xã văn hóa Nông thôn mới.

c) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực:

- Về nông nghiệp, nông thôn: Xây dựng nông nghiệp sạch, sử dụng công nghệ thân thiện môi trường, hình thành thương hiệu sản phẩm hàng hóa nông sản có chỗ đứng vững chắc trên thị trường gắn với lợi thế về điều kiện tự nhiên của huyện, đặc biệt là thương hiệu lúa, rau sạch, sori, thủy hải sản... Mạng lưới hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp được xây dựng tương đối đồng bộ (giao thông nông thôn, thủy lợi, cấp điện...) gắn với mạng lưới dịch vụ nông nghiệp hiệu quả (trung tâm giống, dịch vụ chuyển giao ứng dụng, máy nông nghiệp, tín dụng nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp...).

- Về công nghiệp, đô thị: Được gắn kết chặt chẽ trong tổng thể phân bố không gian toàn tỉnh. Tân Hòa là đô thị hạt nhân, đầu tàu về phát triển kỹ thuật và ứng dụng khoa học công nghệ mới của huyện, đối trọng với thị trấn Tân Hòa là các đô thị vệ tinh Vàm Láng, Tân Tây. Công nghiệp dựa trên các nền tảng phát triển theo quy hoạch chung của tỉnh, nhưng chủ yếu vẫn là các ngành công nghiệp chế biến nông, thủy sản và các ngành công nghiệp chế tác, dịch vụ dầu khí trong Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp.

- Về dịch vụ, du lịch: Năm 2030 hình thành một mạng lưới dịch vụ đồng bộ, đảm nhiệm chức năng dịch vụ biển đầu mối của tỉnh Tiền Giang trong tuyến du

lich hành lang ven biển với một số loại hình dịch vụ như logistics, tài chính - ngân hàng, sàn giao dịch thủy hải sản, ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp... Xây dựng khu du lịch ven biển Tân Thành là trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng và du lịch biển trở thành ngành mũi nhọn trong định hướng phát triển bền vững. Bờ Bắc sông Tiền (từ Đền Đỏ về Phước Trung) có tiềm năng phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

- Mọi người dân đều được tiếp cận với giáo dục một cách toàn diện, một bộ phận dân cư khu vực đô thị đang tiếp cận với nền kinh tế tri thức; thụ hưởng dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng; đời sống văn hóa địa phương được bảo tồn và phát triển theo hướng tiến bộ, văn hóa là nền tảng, văn minh là mục tiêu tiếp cận.

- Môi trường tự nhiên được bảo vệ, bảo tồn sự đa dạng sinh học của các môi trường sinh thái trên địa bàn gắn phát triển du lịch sinh thái bền vững.

- An ninh quốc phòng luôn được giữ vững và tạo điều kiện để các hoạt động kinh tế - xã hội phát triển.

IV. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ (Phụ lục đính kèm)

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp huy động vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội dự kiến thời kỳ 2016 - 2020 khoảng 10.500 - 11.300 tỷ đồng và giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 83.000 - 106.000 tỷ đồng (giá hiện hành). Để thu hút và huy động đủ nguồn vốn đáp ứng yêu cầu này cần tập trung thực hiện các giải pháp sau:

- Sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết cho phát triển công nghiệp.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; tăng cường nguồn thu từ kinh tế địa phương, ưu tiên chi đầu tư phát triển.

- Tăng cường công tác huy động vốn, mở rộng vốn tín dụng đầu tư phát triển trung và dài hạn cho các thành phần kinh tế. Khuyến khích người dân và doanh nghiệp bỏ vốn vào xây dựng, mở rộng sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Chuẩn bị tốt điều kiện về hạ tầng, đất đai, nhân lực,... nhằm thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước có hiệu quả. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan trong công tác xúc tiến đầu tư, thu hút mời gọi đầu tư trên địa bàn huyện về công nghiệp, thương mại - dịch vụ, nông nghiệp nông thôn,...

- Tăng cường và chủ động trong vận động nguồn vốn ODA, xúc tiến xây dựng các dự án cụ thể để thu hút nguồn vốn này nhằm bổ sung cho nguồn vốn đầu tư phát triển trên địa bàn.

- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, tín dụng nhà nước và nguồn ODA đầu tư dứt điểm hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng; các công trình, dự án trọng điểm: dự án đê biển, gây bồi ven biển, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng; hạ tầng khu du lịch Tân Thành; hạ tầng trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp; công trình văn hoá thể dục thể thao, phục vụ nhu cầu phát triển của huyện.

2. Giải pháp về nguồn nhân lực

Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí đào tạo cho lao động nông thôn và các nguồn tài trợ khác hàng năm để đầu tư cho hoạt động tuyên truyền, tư vấn học nghề và giới thiệu việc làm sau khi đào tạo; thu hút đầu tư, mở thêm các cơ sở công nghiệp, công nghiệp chế biến, xây dựng, thương mại, du lịch,... Đây mạnh xã hội hóa đào tạo; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề, hoạt động dịch vụ giới thiệu việc làm. Có biện pháp hiệu quả, tăng cường thu hút cán bộ giỏi và số sinh viên giỏi ra trường đến công tác tại huyện. Khuyến khích hỗ trợ, tạo điều kiện để xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản trị doanh nghiệp đủ sức tiếp cận những tiến bộ mới về khoa học quản lý, về công nghệ mới, biết dự báo và tiếp cận với thị trường để chủ động hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa.

3. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Khuyến khích và hướng dẫn người dân thực hiện cơ giới hóa các hoạt động sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất, mở rộng quy mô và giảm thiểu hao phí lao động.

- Áp dụng công nghệ sinh học vào sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của địa phương, khả năng chống sâu bệnh tốt và cho năng suất cao.

- Kêu gọi các nhà máy, cơ sở sản xuất hỗ trợ nông dân đưa công nghệ vào sản xuất, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào canh tác...

- Hỗ trợ, khuyến khích cho các doanh nghiệp, nhà máy và cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện có nhu cầu đổi mới công nghệ.

- Khuyến khích các nhà máy, cơ sở chế biến nông, hải sản ứng dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh cho sản phẩm.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa tin học để mở rộng kiến thức cho mọi người dân trong huyện, đặc biệt là cán bộ quản lý, người sản xuất tiếp cận kiến thức mới, tiếp cận thị trường dễ dàng và nhanh chóng.

4. Giải pháp về mở rộng thị trường

Đẩy mạnh công tác khuyến mãi, giới thiệu sản phẩm; tìm kiếm khách hàng, thị trường trong nước và xuất khẩu. Coi trọng thị trường trong nước, nhất là thị trường gần ngay ở các xã của huyện, nội tỉnh và các tỉnh trong khu vực. Từng bước thâm nhập các thị trường; thực hiện những biện pháp nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã và tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm hàng hóa.

5. Giải pháp về tăng cường hợp tác liên vùng, liên tỉnh, quốc tế

Củng cố và phát triển các mối quan hệ hợp tác, liên kết giữa Gò Công Đông với các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh, một số tỉnh thành trong vùng và hợp tác quốc tế trên mọi lĩnh vực; phát huy thế mạnh địa phương. Tăng cường phối hợp với các vùng, các tỉnh tổ chức hội chợ việc làm; thực hiện các chương trình quảng bá, giới thiệu các điểm du lịch, di tích lịch sử, nét đặc sắc văn hóa của huyện để kết nối các tour du lịch liên vùng, liên tỉnh và quốc tế.

6. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của bộ máy quản lý nhà nước

Đẩy mạnh cải cách hành chính, giải quyết nhanh, gọn các thủ tục hành chính giữa các ban, ngành, các xã, thị trấn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính. Tạo điều kiện thuận lợi nhất, nhanh nhất trong giải quyết các thủ tục hành chính. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức tác phong cho cán bộ, công chức từ huyện xuống cấp xã, ấp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Gò Công Đông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị và các quy hoạch khác có liên quan) và các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Gò Công Đông.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông

- Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Gò Công Đông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân.

- Phối hợp các sở, ngành tỉnh đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; giới thiệu các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm và các chương trình dự án cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện và có đánh giá kết quả đạt được. Định kỳ tiến hành rà soát lại Quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung kịp thời đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng thời kỳ.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong Huyện có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

- Căn cứ nội dung Quy hoạch được phê duyệt, phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai thực hiện Quy hoạch theo quy định.

2. Các sở, ngành có liên quan

- Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông trong quá trình thực hiện quy hoạch.

- Phối hợp với huyện Gò Công Đông trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực để đảm bảo tính đồng bộ thống nhất của quy hoạch. Xem xét, hỗ trợ Huyện trong huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước, ngoài nước để thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 2155/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Gò Công Đông đến năm 2020.

Điều 4: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP;
Các phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT. 20



Nguyễn Văn Khang

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH,
ĐỀ ÁN, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên chương trình, dự án	2015 - 2020	2021 - 2030
I	CÁC CHƯƠNG TRÌNH		
1	Chương trình xây dựng nông thôn mới	X	X
2	Chương trình phát triển vườn và rau màu	X	X
3	Chương trình phát triển chăn nuôi	X	X
4	Chương trình phát triển thủy sản	X	
5	Chương trình phát triển đô thị	X	X
6	Chương trình cải thiện môi trường đô thị: cải tạo và nâng cấp đô thị; nhà máy xử lý nước thải tại các đô thị.	X	X
7	Chương trình bảo vệ nguồn nước trong hệ thống Dự án ngọt hóa Gò Công	X	X
8	Chương trình phát triển nhà ở	X	X
9	Chương trình giảm thiểu ô nhiễm môi trường	X	X
10	Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng	X	X
11	Cụm dân cư thị trấn Tân Hòa	X	
12	Khu dân cư đô thị Vàm Láng	X	
II	CÁC ĐỀ ÁN		
1	Đề án xây dựng Khu kinh tế Gò Công	X	X
2	Đề án công nhận thị trấn Vàm Láng là đô thị loại IV	X	X
3	Đề án công nhận thị trấn Tân Hòa là đô thị loại IV	X	X
4	Đề án công nhận Tân Tây là đô thị loại V	X	X
III	CÁC DỰ ÁN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ		
1	KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp	X	X
2	Dự án đầu tư Cảng Quốc tế Nam Sài Gòn	X	
3	Dự án khu dịch vụ hậu cần cảng biển tổng hợp năng lượng Tiền Giang	X	
4	Dự án Cảng cá Vàm Láng kết hợp trú bão	X	
5	Khu Du lịch sinh thái Hàng Dương	X	
6	Khu du lịch sinh thái biển Tân Thành	X	X
7	Đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch khu vực biển Gò Công: Xây dựng đường giao thông, kè đê biển, cầu tàu du lịch.	X	X
8	Đầu tư hỗ trợ các làng nghề gắn phát triển du lịch: làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, mắm tôm chà và tù thờ Gò Công;...	X	X

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

STT	Tên chương trình, dự án	2015 - 2020	2021 - 2030
I	NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN		
1	Dự án nâng cấp đê biển Gò Công	X	X
2	Tiểu dự án nâng cấp hệ thống kiểm soát xâm nhập mặn vùng Gò Công	X	
3	Các công trình đê, kè, di dân phòng chống sạt lở	X	X
4	Hoàn thiện dự án ngọt hóa Gò Công	X	X
5	Dự án cây sơ-ri	X	X
6	Dự án gây bồi rừng phòng hộ ven biển bằng công nghệ kè mềm tại huyện Gò Công Đông	X	
7	Dự án trồng rừng phòng hộ trên đất chưa sử dụng, ven sông Cửa Tiểu huyện Gò Công Đông	X	
8	Dự án chống xói lở, gây bồi và trồng cây chắn sóng bảo vệ tuyến đê biển Gò Công, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang	X	X
9	Dự án chống úng Tân Thành	X	X
10	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Cửa sông Soài Rạp kết hợp bến cá Vàm Láng	X	
11	Dự án đầu tư nâng cấp hệ thống công trình phục vụ dự án nuôi trồng thủy sản Nam Gò Công	X	
12	Dự án XD hệ thống kênh lấy, tháo nước bên trong vùng nuôi tôm giữa kênh Ba và đê biển kết nối với các cống dưới đê dự phòng và đê nhánh	X	
13	Xây dựng nông thôn mới các xã	X	X
II	GIAO THÔNG		
1	Dự án đường tỉnh 871B (Đường vào khu kinh tế phía Đông)	X	
2	Đường tỉnh 871, 877B (Đoạn nối thẳng ra biển) và các cầu	X	X
3	Đường song song Quốc Lộ 50		X
4	Nâng cấp bến xe khách Gò Công Đông	X	X
5	Giao thông nông thôn các xã	X	X
6	Nâng cấp các tuyến ĐH 03,04,05,07,08,09	X	X
7	Mở mới đường nội thị thị trấn Tân Hòa, thị trấn Vàm lách	X	X
8	Nâng cấp các tuyến đường liên xã		
III	Y TẾ		
1	Nâng cấp bệnh viện huyện Gò Công Đông	X	X
2	Nâng cấp Trung tâm y tế Gò Công Đông	X	X
3	Phòng khám đa khoa khu vực	X	X

STT	Tên chương trình, dự án	2015 - 2020	2021 - 2030
4	Trạm y tế xã	X	X
IV	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
1	Trường mầm non	X	X
2	Trường tiểu học	X	X
3	Trường THCS	X	X
4	Trường Phổ thông trung học	X	X
5	Trung tâm dạy nghề	X	X
V	VĂN HÓA - THỂ DỤC THỂ THAO		
1	Nhà văn hóa huyện	X	X
2	Nhà văn hóa các xã	X	X
3	Sân vận động trung tâm huyện	X	X
4	Sân thể thao các trung tâm xã	X	X
VI	THƯƠNG MẠI		
1	Nâng cấp chợ Gò Công Đông	X	X
2	Chợ thủy sản Đền Đỏ	X	
3	Trung tâm mua sắm Tân Hòa	X	
4	Siêu thị Tân Tây	X	
5	Xây mới, nâng cấp sửa chữa 14 chợ	X	
VII	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ		
1	Biến đổi khí hậu đối với sinh trường Con nghêu Gò Công	X	X
VIII	MÔI TRƯỜNG		
1	Đầu tư sửa chữa lò đốt rác thải y tế nguy hại huyện Gò Công Đông	X	
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải y tế (Các cơ sở y tế công lập)	X	
3	Bãi rác thải huyện Gò Công Đông	X	
IX	QUỐC PHÒNG – AN NINH		
1	Xây dựng SCH cơ bản, SCH phía trước, SCH dự bị, các khu cất giấu VKTB, các khu vực phòng ngự then chốt, cụm điểm	X	
2	Dự án xây dựng trụ sở công an xã	X	X
3	Dự án XD phân đội PCCC KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp	X	
1	Công trình phục vụ chiến đấu các Đồn Biên phòng và Hải đội 2		X
2	Dự án cải tạo nâng cấp Cơ sở làm việc Công an huyện Gò Công Đông		X
X	ĐIỆN		
1	Đường dây 110kV: Xây mới tuyến nhánh rẽ vào KCN Dịch vụ dầu khí Soài Rạp	X	
XI	CẤP NƯỚC		
1	Dự án ưu tiên đầu tư đầu nối tiếp nhận nguồn nước của Cty Cổ phần BOO Đồng Tâm để cấp nước cho huyện Gò Công Đông	X	X
XII	NGHĨA TRANG		

STT	Tên chương trình, dự án	2015 - 2020	2021 - 2030
1	Xã Phước Trung	X	
2	Đầu tư các nghĩa trang được quy hoạch xây mới và cải tạo		X

Ghi chú: Vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực của từng giai đoạn.